

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (1 tiết)

HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động

Mục tiêu: Tổ chức trò chơi ghép từ để ôn lại văn bản đã học, đồng thời tạo tâm thế hứng thú, tích cực cho học sinh tiếp nhận bài học mới.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
– GV tổ chức trò chơi ghép từ.	– Tham gia trò chơi: ghép từ ở cột phải với các từ ở cột trái để miêu tả Đế Mèn cho phù hợp. <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">vuốt</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">nhọn hoắt</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">cánh</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">hùn hoản</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">răng</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">rung rinh</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">người</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">đen nhánh</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"></div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">bóng mỡ</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"></div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">ngoàm ngoạp</div> </div>	

HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu: Nhận biết được các kiểu cấu tạo từ của tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập								
– Giới thiệu kiến thức về từ đơn, từ phức. – Yêu cầu HS tìm ví dụ về từ đơn, từ ghép, từ láy khác. – Hướng dẫn HS hoàn thiện sơ đồ từ đơn, từ phức.	– HS đọc nội dung “Nhận biết từ đơn và từ phức”/SGK tr.20. – Từ nội dung đọc, HS điền lại vào bảng: <table border="1" style="margin-top: 10px; width: 100%;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Từ đơn</th> <th colspan="2">Từ phức</th> </tr> <tr> <th>Từ ghép</th> <th>Từ láy</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 30px;"></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Từ đơn	Từ phức		Từ ghép	Từ láy				– Nhận diện được từ đơn, từ phức. – Lập được sơ đồ kiến thức từ đơn, từ phức.
Từ đơn	Từ phức									
	Từ ghép	Từ láy								

<p>- HS đưa ra ví dụ về các từ đơn, từ phức khác.</p> <p>- HS điền vào sơ đồ kiến thức về từ đơn, từ phức.</p>	<pre> graph TD A[Từ] --> B[Từ đơn (1 tiếng)] A --> C[Từ phức (2 tiếng hoặc nhiều hơn)] C --> D[Từ ghép (Các tiếng có quan hệ về nghĩa)] C --> E[Từ láy (Các tiếng có quan hệ về âm)] </pre>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập, vận dụng

Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về từ đơn, từ phức để hoàn thành bài tập nhận biết từ đơn, từ ghép, từ láy; nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong ngữ cảnh.
- Nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.
- Nhận biết và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập																
<p>Bài tập 1</p> <p>- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập 1.</p> <p>- GV theo dõi, hỗ trợ HS thực hiện.</p> <p>- GV kiểm tra, đánh giá, nhận xét.</p>	<p>- Kẻ bảng vào vở và điền các từ in đậm trong đoạn văn vào ô phù hợp:</p> <table border="1" style="margin: 10px auto;"> <tr> <td rowspan="2" style="width: 15%;">Từ đơn</td> <td colspan="2" style="width: 40%;">Từ phức</td> </tr> <tr> <td style="width: 15%;">Từ ghép</td> <td style="width: 10%;">Từ láy</td> </tr> <tr> <td style="height: 20px;"></td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p>- Trình bày kết quả bài làm.</p> <p>- Đối chiếu đáp án của GV trên slide.</p>	Từ đơn	Từ phức		Từ ghép	Từ láy				<table border="1" style="margin: 10px auto;"> <tr> <td rowspan="2" style="width: 15%;">Từ đơn</td> <td colspan="2" style="width: 40%;">Từ phức</td> </tr> <tr> <td style="width: 15%;">Từ ghép</td> <td style="width: 10%;">Từ láy</td> </tr> <tr> <td>tôi, nghe, người</td> <td>bóng mỡ, ưa nhìn</td> <td>hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh</td> </tr> </table> <p>Điền được vào bảng:</p>	Từ đơn	Từ phức		Từ ghép	Từ láy	tôi, nghe, người	bóng mỡ, ưa nhìn	hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh
Từ đơn	Từ phức																	
	Từ ghép	Từ láy																
Từ đơn	Từ phức																	
	Từ ghép	Từ láy																
tôi, nghe, người	bóng mỡ, ưa nhìn	hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh																
<p>Bài tập 2</p> <p>- GV hướng dẫn HS nhận biết từ láy tượng thanh trong tiếng Việt.</p> <p>- Yêu cầu HS tìm từ láy mô phỏng âm thanh trong văn bản <i>Bài học đường đời đầu tiên</i>.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- Đọc bài tập 2</p> <p>- HS lấy các ví dụ trong cuộc sống.</p> <p>- HS trình bày kết quả bài tập.</p>	<p>- Từ láy tượng thanh là một lớp từ độc đáo trong kho từ vựng tiếng Việt. VD: <i>ầm ầm, ào ào, ha ha...</i></p> <p>- Từ láy mô phỏng âm thanh trong văn bản <i>Bài học đường đời đầu tiên</i>: <i>phanh phách, phành phạch, ngoàm ngoạp, văng vẳng...</i></p>																

<p>Bài tập 3</p> <p>– Tổ chức cho HS làm việc nhóm 4, nhận xét tác dụng của việc sử dụng từ láy trong ngữ cảnh.</p>	<p>– HS đọc bài tập 3.</p> <p>– Hoạt động nhóm 4, hoàn thành <i>Phiếu bài tập</i>.</p>	<p>– Giải thích được nghĩa của các từ láy (căn cứ vào ngữ cảnh):</p> <p>+ <i>Phanh phách</i>: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác.</p> <p>+ <i>Ngoàm ngoạp</i>: (nhai) nhiều, liên tục, nhanh.</p> <p>+ <i>Dún dẩy</i>: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiểu cách.</p> <p>– Tác dụng:</p> <p>+ Khiến cho nhân vật Đế Mèn hiện ra rất sinh động.</p> <p>+ Nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ, đầy sức sống của tuổi trẻ ở Đế Mèn. Qua đó Đế Mèn bộc lộ niềm tự hào về chính mình.</p>	
<p>PHIẾU BÀI TẬP</p>			
<p>Câu</p>	<p>Từ láy</p>	<p>Nghĩa của từ láy</p>	<p>Tác dụng của từ láy</p>
<p>1</p>			<p>.....</p>
<p>2</p>			<p>.....</p>
<p>3</p>			<p>.....</p>
<p>– GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>– Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>– Các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến.</p>		
<p>Bài tập 4</p> <p>– GV nêu vấn đề cho HS suy nghĩ và phát biểu.</p> <p>– Tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, hoàn thành <i>Phiếu bài tập</i>.</p> <p>– GV nhận xét, đánh giá và thống nhất nội dung.</p>	<p>– HS nêu:</p> <p>+ Cách giải thích nghĩa thông thường của từ.</p> <p>+ Cách giải thích nghĩa của từ trong câu.</p> <p>– HS trao đổi nhóm đôi, xác định nghĩa các từ theo yêu cầu bài tập.</p> <p>– 2, 3 nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét.</p>		
<p>PHIẾU BÀI TẬP</p>			
<p>Từ ngữ</p>	<p>Nghĩa thông thường</p>	<p>Nghĩa trong văn bản</p>	
<p><i>Nghèo</i></p>			
<p><i>Nghèo sức</i></p>			
<p><i>Mưa dầm sùi sụt</i></p>			
<p><i>Điệu hát mưa dầm sùi sụt</i></p>			

<p>Bài tập 5</p> <p>– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập.</p> <p>– GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>– Đọc bài tập 5.</p> <p>– HS suy nghĩ và làm bài vào vở:</p> <p>+ Giải nghĩa thành ngữ.</p> <p>+ Đặt câu với mỗi thành ngữ.</p> <p>– HS trình bày kết quả làm bài, HS khác nhận xét, sửa lỗi.</p>	<p>Giải thích được ý nghĩa của thành ngữ và đặt câu:</p> <p>– <i>Ăn xôi ở thì</i>: sống tạm bợ cho qua ngày, không tính đến ổn định lâu dài</p> <p>– <i>Tất lửa tối đèn</i>: chỉ tình huống khó khăn, bất trắc, cần sự giúp đỡ của người xung quanh.</p> <p>– <i>Hôi như cú mèo</i>: mùi hôi rất khó chịu.</p>
<p>Bài tập 6</p> <p>– Yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về so sánh đã học ở bậc Tiểu học.</p> <p>– Tổ chức cho HS làm việc cá nhân.</p> <p>– GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>– HS đọc bài tập.</p> <p>– Nhắc lại kiến thức về biện pháp so sánh đã học.</p> <p>– HS làm việc độc lập, tìm các hình ảnh so sánh trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”. Chỉ ra tác dụng của biện pháp so sánh đó.</p> <p>– HS trình bày kết quả bài làm của mình.</p>	<p>Tìm được các câu so sánh trong văn bản và chỉ ra tác dụng. Ví dụ:</p> <p>– <i>Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.</i> → So sánh hai cái răng của Dế Mèn khi nhai thức ăn với hai lưỡi liềm máy đang làm việc để nhấn mạnh Dế Mèn đang tuổi ăn tuổi lớn, đầy sức sống, khoẻ khoắn.</p> <p>– <i>Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất.</i> → So sánh mỏ chị Cốc với cái dùi sắt cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mổ Dế Choắt.</p>